

Bản án số: **41/2017/HSST**

Ngày: 16/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Văn Thắng

2/ Bà Hồ Thị Ngọc Diễm

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 09 tháng
5 năm 2017 đối với bị cáo:

Huỳnh Như Q, sinh năm 1983, tại Bến Tre;

ĐKTT: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: khu phố X, phường B, quận B, TP HCM.

Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Huỳnh Công T và bà: Mai Ngọc D;

Bị cáo có vợ tên Châu Thị Tường V (đã ly hôn), có 02 người con, lớn sinh
năm 2003, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2016. (Có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa:*

- Luật sư Trương Văn T – Văn phòng Luật sư Trương Văn T - thuộc Đoàn
luật sư tỉnh Bến Tre.

** Người bị hại:*

- Lữ Thị Mộng C, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Buôn bán. (có mặt)

ĐKTT: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1977; Nghề nghiệp: Uốn tóc. (có mặt)

ĐKTT: Ấp 2, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị C, sinh năm 1977; (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Lữ Thị C, sinh năm 1981; (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Lữ Văn A, sinh năm 1977; (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Mai Ngọc D, sinh năm 1963; (có mặt).

ĐKTT: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Lê Ngọc D, sinh năm 1982; (có mặt).

ĐKTT: phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Trần Nhựt P, sinh năm 1988; (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

7. Huỳnh Thị P, sinh năm 1975; (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp 2, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

* *Người làm chứng:*

1. Đặng Thị M, sinh năm 1969; (có mặt).

ĐKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Lữ Thị Tuyết N, sinh năm 1969; (vắng mặt).

ĐKTT: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Huỳnh Như Q bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Huỳnh Như Q và các đối tượng Phạm Thanh S, Đặng Thị Thu V (vợ của S), Đặng Trường H (anh ruột V), cùng bàn bạc về việc tìm những người phụ nữ nhẹ dạ dễ tin dấn cảnh đánh bài để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2016, Q cùng các đối tượng nêu trên đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng đầu tháng 5/2016, S giả vờ gọi nhầm số điện thoại của chị Lữ Thị Mộng C, sau đó gọi lại làm quen, xưng tên là H, chuyên làm gỗ ở Vĩnh Long, qua nhiều lần liên lạc và hẹn gặp mặt. Khi ra gặp thì Q đi, lấy tên giả là H hẹn gặp chị C vài lần đi ăn uống và hứa hẹn chuyện tình cảm. Để tạo thêm lòng tin với chị C, vào ngày 26/5/2016, Q thuê xe ô tô đến gặp và chở chị C về quê chị C chơi đến chiều quay trở lên Thành phố Bến Tre cùng thuê khách sạn Huyền My ở phường P, Tp Bến Tre nghỉ lại qua đêm. Đến sáng ngày 27/5/2016, S giả vờ gọi điện thoại kêu trả tiền gỗ để Q chở chị C đến nơi S đã sắp đặt sẵn trước đó. Q chở

chị C đến nhà bà Đặng Thị M, sinh năm 1969; ĐKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, gặp S (lúc này S xưng là N, chủ nhà) lấy 20.000.000 đồng để tạo lòng tin của chị C. S nói với Q sáng giờ đánh bài thua thì Q nói mới có chiêu gian lận để Q ra sau đánh bài. Lúc này, có V, H cùng người phụ nữ trung niên (không rõ họ tên địa chỉ) đang đánh bài nhưng không sử dụng tiền mặt mà đổi ra phỉnh để chơi (viết mệnh giá số tiền ra giấy). Q mượn chị C 2.000.000 đồng, đánh được 03 ván thì Q thắng khoảng 200.000.000 đồng nhưng theo thỏa thuận trước đó ai thắng phải có đủ số tiền tương ứng mới nhận được số tiền thắng. Q giả vờ gọi điện thoại cho S mượn tiền nhưng không lấy kịp nên nói chị C mượn dùm và hứa sẽ cho tiền chị C. Chị C nghe vậy liền gọi điện thoại mượn chị ruột là Lữ Thị X, chị dâu Lê Thị M và lấy số vàng chị C gửi trước đó gồm số tiền 11.000.000 đồng và nhiều trang sức lắc, nhẫn, dây chuyền, vòng đeo tay, tổng cộng 20 chỉ vàng 24K, 27,2 chỉ vàng 18K. Q trực tiếp chở chị C đi lấy tiền và vàng ở huyện Mỏ Cày. Sau đó, trên đường về Q nói vẫn chưa đủ tiền nên nói chị C cầm luôn chiếc xe Airblade của chị C đang đi với giá 25.000.000 đồng. Khi trở lại nơi S đang đợi, chị C đưa toàn bộ tiền, vàng cho Q. Sau đó, Q cùng đồng bọn giả vờ tiếp tục đánh bạc và thua hết tiền, Q nói chị C ở lại đợi để Q và S đi mượn tiền (mục đích đi trốn chị C). Sau khi S và Q đi, Q điện thoại cho chị C nói ra tiệm vàng Kim Ngọc ở chợ Bến Tre phụ kiểm tiền vì mượn USD đổi ra tiền Việt Nam, nhằm tạo cơ hội cho những người còn lại tẩu thoát. Do tin tưởng Q nên chị C đi được một đoạn thì Q điện thoại nói khỏi đến tiệm vàng vì cha của Q bị tai nạn nên phải về nhà gấp. Nghi ngờ bị lừa nên chị C quay lại nơi đánh bài thì không còn ai nên đã trình báo Công an. Sau khi lấy được số tiền vàng, cả nhóm đi lên Thành phố Hồ Chí Minh, S bán vàng và chia cho Q khoảng 34.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 áo sơ mi dài tay sọc đứng màu trắng xám;
- 01 mắt kính màu đen có chữ Polanzed;
- 02 sim điện thoại gồm 01 sim mobifone số sim 8401150433043390, 01 sim Viettel số sim 8984048704023883943;
- 01 giấy CMND, 01 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe hạng A1 và B2 mang tên Huỳnh Như Quốc;
- 01 xe mô tô biển số 59Y1-734.67, số máy JF46E5524088, số khung 4611EY823961 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Công N;
- Số tiền 10.000.000 đồng;
- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen số Imei 356497067245330, có số thuê bao 0903493574;
- 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen số Imei 356713053913735, có số thuê bao 0972494979;
- 01 điện thoại di động Nokia 225 màu đen số Imei 1 353717078024363, số Imei 2 353717078024371, có số thuê bao 0903463539 và 0974565829;
- 01 nón kết màu đen, 01 đôi giày da màu nâu đỏ hiệu Dr Martens, 01 mắt kính màu đen gọng kính màu xám có chữ Wins màu đỏ cất trong bao kính màu

đen, 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại (dù ba khúc) màu đen cất trong bao gậy màu đen, 01 giấy bán xe mô tô biển số 59Y1-734.67;

- 04 đĩa CD trong đó gồm 02 đĩa ghi âm và 02 đĩa ghi hình;
- 01 túi xách nhựa màu nâu.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 1025 ngày 14/10/2016, của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt:

- 01 chiếc lắc vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ giá trị 16.750.000 đồng;
- 01 chiếc lắc vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ giá trị 16.750.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ giá trị 10.050.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ giá trị 16.750.000 đồng;
- 02 chiếc nhẫn vàng 24K loại nhẫn trơn, trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ giá trị 6.750.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 3,2 chỉ giá trị 6.624.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 18K có đính hột màu trắng, trọng lượng 1,8 chỉ giá trị 3.726.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 18K có hình chữ cong, trọng lượng 1,7 chỉ giá trị 3.519.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng 18K mặt cảm thạch, trọng lượng 04 chỉ giá trị 8.280.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng 18K mặt tròn có đính hột màu trắng, trọng lượng 04 chỉ giá trị 8.280.000 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ giá trị 4.140.000 đồng;
- 01 chiếc lắc vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ giá trị 6.210.000 đồng;
- 02 bộ vòng đeo tay vàng 18K, 13 chiếc, trọng lượng 7,5 chỉ giá trị 15.525.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản là **123.354.000 đồng**.

Vụ thứ 2: Với thủ đoạn như trên, S gọi vào số điện thoại di động của chị Đỗ Thị Thanh T giả vờ nói là giao đồ gỗ để kiểm có làm quen. S xưng tên là C, nhà ở quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh buôn bán đồ gỗ. Sau đó thường xuyên nhắn tin, điện thoại liên lạc với chị T và hẹn gặp mặt. Đến khi gặp nhau thì Q trực tiếp đứng ra gặp mặt chị T dưới tên C hẹn chị T đi uống cà phê ở Tiền Giang rồi cả hai ăn uống xong ra về. Đến sáng ngày 06/7/2016, Q rủ chị T uống cà phê rồi cùng nhau vào nhà nghỉ Song Quê trên địa bàn thị trấn C. Một lúc sau, Q rủ chị T đi lấy tiền gỗ, chị T đồng ý, Q điều khiển xe của chị T chở chị T đến nhà bà Lữ Thị Tuyết N mà S đã bố trí sẵn. Tại đây, S giả vờ đưa khoảng 25.000.000 đồng gói trong giấy cho Q trước sự chứng kiến của chị T để tạo lòng tin. Sau đó, S nói thua đánh bài hết mấy chục triệu, Q giả vờ nói có chiêu đánh bài gian lận hay lắm nên tham gia. Q mượn thêm của chị T số tiền 5.600.000 đồng rồi đến nhà phía sau cùng mọi người đánh bài, chị T đến xem, phía sau nhà có V, H cùng 02 người phụ nữ trung niên (không rõ họ tên địa chỉ) đợi sẵn. Do đã chuẩn bị nên Q thắng số tiền khoảng 200.000.000 đồng nhưng do giao kèo trước muốn lấy số tiền này phải có số tiền

mặt tương đương, sau hai tiếng không có thì sẽ mất. Q đi ra ngoài giả vờ gọi điện thoại cho S mượn tiền nhưng không mượn được do ở xa. Q liền hỏi mượn chị T và hứa sẽ cho tiền nhưng chị T nói có thể mượn của người khác nhưng phải có lãi. Chị T điện thoại hỏi mượn của chị Huỳnh Thị P, sinh năm 1975, số tiền 80.000.000 đồng, mượn của anh Trần Nhật P, sinh năm 1988, số tiền 70.000.000 đồng. Q điều khiển xe mô tô chở chị T về lấy tiền và quay lại nơi đánh bạc, chị T đưa hết số tiền 150.000.000 đồng cho Q. Lúc này, thấy chị T còn đeo vàng nên Q tiếp tục hỏi mượn, Q lấy 01 chiếc nhẫn, 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, còn S cắt bộ vòng tay đang đeo trên tay, tổng cộng 11 chỉ vàng 18K. Sau đó, Q dàn cảnh đánh thua rồi kêu chị T ở lại đợi để Q và S đi mượn tiền trả. Đi được một lúc thì Q điện thoại kêu chị T đến thành phố Bến Tre phụ đếm tiền để chị T rời khỏi nhà cho những người còn lại trốn thoát. Sau đó, Q tiếp tục điện thoại nói đã về thành phố Hồ Chí Minh rồi khóa điện thoại không liên lạc được. Đến ngày 07/7/2016, chị T trình báo Công an huyện Châu Thành.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số 803 ngày 05/8/2016, của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K loại khoen ống trúc, trọng lượng 02 chỉ giá trị 5.640.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ giá trị 2.820.000 đồng;
- 01 đôi bông tai vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ giá trị 2.820.000 đồng;
- 01 bộ vòng đeo tay vàng 18K, 14 chiếc, trọng lượng 07 chỉ giá trị 19.740.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là **31.020.000 đồng**.

Trong quá trình điều tra Huỳnh Như Q đã tác động gia đình bồi thường xong cho chị C với số tiền 161.354.000 đồng và chị C không có yêu cầu gì khác, bồi thường cho chị T số tiền 30.000.000 đồng, chị T yêu cầu Q tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 156.620.000 đồng. Hiện chị C và chị T đã xin bãi nại giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Q.

Cáo trạng số 37/KSĐT-TA ngày 08/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Huỳnh Như Q về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt bị cáo Huỳnh Như Q từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho chị Lữ Thị Mộng C với số tiền 161.354.000 đồng và chị C không có yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh T số tiền 30.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường tiếp cho chị T theo quy định.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo:
- + 01 áo sơ mi dài tay sọc đứng màu trắng xám;
- + 01 mắt kính màu đen có chữ Polanzed;
- + 01 giấy CMND, 01 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe hạng A1 và B2 mang tên Huỳnh Như Q;
- + 01 nón kết màu đen, 01 đôi giày da màu nâu đỏ hiệu Dr Martens, 01 mắt kính màu đen gọng kính màu xám có chữ Wins màu đỏ cất trong bao kính màu đen.
- + 02 sim điện thoại gồm 01 sim mobifone số sim 8401150433043390, 01 sim Viettel số sim 8984048704023883943;
- + 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại (dũ ba khúc) màu đen cất trong bao gậy màu đen.
- Trả lại cho chị C 01 túi xách nhựa màu nâu.
- Giao Công an huyện Châu Thành thông báo tìm chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số 59Y1-734.67, số máy JF46E5524088, số khung 4611EY823961 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Công N cùng 01 giấy bán xe mô tô biển số 59Y1-734.67;
- Tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án:
- + Số tiền 10.000.000 đồng;
- + 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen số Imei 356713053913735, có số thuê bao 0972494979; 01 điện thoại di động Nokia 225 màu đen số Imei 1 353717078024363, số Imei 2 353717078024371, có số thuê bao 0903463539, 01 sim điện thoại có số thuê bao 0903493574.
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:
- + 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen số Imei 356497067245330 và 01 sim điện thoại có số thuê bao 0974565829;
- Lưu giữ 04 đĩa CD trong đó gồm 02 đĩa ghi âm và 02 đĩa ghi hình;
- * Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Về tội danh đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo có hành vi phạm tội quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Về việc áp dụng hình phạt: Bị cáo có thành ý tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cụ thể bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của chị C là 161.354.000 đồng. Bồi thường cho chị T số tiền là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo yêu cầu tiếp tục sử dụng số tiền mặt 10.000.000 đồng của bị cáo bị tạm giữ và chiếc xe AirBlade biển số 59Y1-734.67 của bị cáo để khắc phục hậu quả cho chị T. Ngoài ra, chị C và chị T có đơn bãi nại yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà cố của bị cáo là Trần Thị G là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bác của ba bị cáo là ông Huỳnh Văn D là liệt sĩ, có công với đất nước. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có

hiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để áp dụng dưới khung hình phạt cho bị cáo với mức hình phạt là 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền còn lại cho chị T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị C, Lữ Thị C, Trần Nhựt P, Lữ Văn A, Huỳnh Thị P; người làm chứng Lữ Thị Tuyết N vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử do sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 191, Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Như Q khai nhận: Do mục đích tư lợi bất chính, vào ngày 27/5/2016 và 06/7/2016, tại ấp P, xã P và ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Như Q cùng Phạm Thanh S, Đặng Thị Thu V, Đặng Trường H và một số đối tượng khác (không rõ họ tên địa chỉ) đã có hành vi bàn bạc trước, phân công Q chủ động làm quen với chị Lữ Thị Mộng C và Đỗ Thị Thanh T để tạo lòng tin. Sau đó, dàn cảnh giả vờ đánh bạc cho Q thắng để mượn tiền, vàng của chị C và chị T nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền và vàng. Do tin tưởng nên chị C đã cho Q mượn số tiền 38.000.000 đồng và số vàng giá trị 123.354.000 đồng, chị T cho Q mượn số tiền 155.600.000 đồng và số vàng giá trị 31.020.000 đồng. Tổng tài sản mà Q chiếm đoạt là **347.974.000 đồng**.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thủ đoạn, thời gian và đặc điểm tài sản bị cáo chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số: 1025 ngày 14/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt của Lữ Thị Mộng C gồm vàng 24K và vàng 18K trị giá là 123.354.000 đồng và 38.000.000 đồng tiền mặt.

Tại Bản kết luận định giá trị tài sản số: 803 ngày 05/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận tài sản bị chiếm đoạt của chị Đỗ Thị Thanh T tổng cộng gồm: Vàng 18K trị giá 31.020.000 đồng và 155.600.000 đồng tiền mặt.

Hành vi của bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị C và chị T, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là **347.974.000 đồng**. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Như Q đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Bị cáo khai nhận đã có sự bàn bạc, chuẩn bị lên kế hoạch cùng với các đối tượng khác và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, mục đích chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của người bị hại để dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội và trên thực tế bị cáo đã thực hiện và chiếm đoạt được tài sản của chị C và chị T như ý định của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, gây ra sự bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt.

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q đã thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản hai lần. Cụ thể lừa đảo chị T và chị C là tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho chị C toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 161.354.000 đồng, bồi thường một phần cho chị T số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Chị C là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo phạm tội nhiều lần trong thời gian ngắn nên cần thiết cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho chị Lữ Thị Mộng C với số tiền 161.354.000 đồng và chị C không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

- Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh T số tiền 30.000.000 đồng nên ghi nhận.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 156.620.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại là chị T. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường tiếp cho chị T số tiền 156.620.000 đồng là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

- *Trả lại cho bị cáo:*

+ 01 áo sơ mi dài tay sọc đứng màu trắng xám;

+ 01 mắt kính màu đen có chữ Polanzed;

+ 01 giấy CMND, 01 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe hạng A1 và B2 mang tên Huỳnh Như Quốc;

+ 01 nón kết màu đen, 01 đôi giày da màu nâu đỏ hiệu Dr Martens, 01 mắt kính màu đen gọng kính màu xám có chữ Wins màu đỏ cất trong bao kính màu đen.

+ 02 sim điện thoại gồm 01 sim mobifone số sim 8401150433043390, 01 sim Viettel số sim 8984048704023883943;

+ 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại (dù ba khúc) màu đen cất trong bao gậy màu đen.

- Trả lại cho chị C 01 túi xách nhựa màu nâu.

- Giao Công an huyện Châu Thành thông báo tìm chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số 59Y1-734.67, số máy JF46E5524088, số khung 4611EY823961 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Công N cùng 01 giấy bán xe mô tô biển số 59Y1-734.67;

- Tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án:

+ Số tiền 10.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen số Imei 356713053913735, có số thuê bao 0972494979; 01 điện thoại di động Nokia 225 màu đen số Imei 1 353717078024363, số Imei 2 353717078024371, có số thuê bao 0903463539, 01 sim điện thoại có số thuê bao 0903493574.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen số Imei 356497067245330

- Tịch thu tiêu hủy:

01 sim điện thoại có số thuê bao 0974565829;

- Lưu giữ 04 đĩa CD trong đó gồm 02 đĩa ghi âm và 02 đĩa ghi hình;

* Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Như Q bị kết án nên phải chịu án phí là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Huỳnh Như Q phải chịu trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí là $156.620.000 \times 5\% = 7.831.000$ đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thanh S, Đặng Thị Thu V, Đặng Trường H đã bỏ đi khỏi địa phương không làm việc được. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Riêng đối với bà Đặng Thị M và Lữ Thị Tuyết N, quá trình làm việc bà M và bà N khai không biết Q và cũng không cho ai thuê nhà, thời điểm xảy ra vụ việc bà M và bà N không có mặt tại nhà, phù hợp lời khai của Q, chị C và chị T. Do chưa đủ tài liệu chứng cứ chứng minh nên chưa có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Như Q** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Như Q 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2016.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 608 và Điều 305 Bộ luật Dân sự: khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

2/ Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho chị Lữ Thị Mộng C với số tiền 161.354.000 đồng và chị C không có yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh T số tiền 30.000.000 đồng.

Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường tiếp cho chị Đỗ Thị Thanh T số tiền 156.620.000 đồng. *(Một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).*

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

3/ Xử lý vật chứng:

- *Trả lại cho bị cáo:*

+ 01 áo sơ mi dài tay sọc đứng màu trắng xám;

+ 01 mắt kính màu đen có chữ Polanzed;

+ 01 giấy CMND, 01 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe hạng A1 và B2 mang tên Huỳnh Như Q;

+ 01 nón kết màu đen, 01 đôi giày da màu nâu đỏ hiệu Dr Martens, 01 mắt kính màu đen gọng kính màu xám có chữ Wins màu đỏ cắt trong bao kính màu đen.

+ 02 sim điện thoại gồm 01 sim mobifone số sim 8401150433043390, 01 sim Viettel số sim 8984048704023883943;

+ 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại (dũ ba khúc) màu đen cắt trong bao gậy màu đen.

- Trả lại cho chị C 01 túi xách nhựa màu nâu.

- Giao Công an huyện Châu Thành thông báo tìm chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số 59Y1-734.67, số máy JF46E5524088, số khung 4611EY823961 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Công N cùng 01 giấy bán xe mô tô biển số 59Y1-734.67 và xử lý theo quy định;

- Tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án:

+ Số tiền 10.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen số Imei 356713053913735, có số thuê bao 0972494979; 01 điện thoại di động Nokia 225 màu đen số Imei 1 353717078024363, số Imei 2 353717078024371, có số thuê bao 0903463539, 01 sim điện thoại có số thuê bao 0903493574.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen số Imei 356497067245330.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại có số thuê bao 0974565829;

- Lưu giữ 04 đĩa CD trong đó gồm 02 đĩa ghi âm và 02 đĩa ghi hình;

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 16/5/2017 giữa Cơ quan điều tra – Công an huyện Châu Thành với Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre).

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4/ Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Như Q phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Huỳnh Như Q phải chịu là 7.831.000 (Bảy triệu tám trăm ba mươi một nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- STP tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện;
- Bộ phận HS CA huyện;
- UBND X. P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Thắng Hồ Thị Ngọc Diễm

Lê Thị Minh Trung

